

Số: 488 /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 26 tháng 04 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống
hành chính nhà nước tỉnh Gia Lai**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 52/TTr-SNNPTNT ngày 21/3/2023; Giám đốc sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 19/TTr-SKHCHN ngày 22/3/2023; Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 665/TTr-SGTVT ngày 27/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 13 thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của UBND tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC - Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Phòng KTTH, TTTH - Văn Phòng UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC.



CHỦ TỊCH

Trương Hải Long

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRONG TỈNH GIA LAI
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023
của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	Thủ tục công nhận (đánh giá, thẩm tra, thẩm định) xã đạt chuẩn nông thôn mới/xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	Nông thôn mới	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Thủ tục Xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Khoa học và công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ
3	Thủ tục Tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Khoa học và công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ
4	Thủ tục Thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Khoa học và công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ
5	Thủ tục Đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Khoa học và công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ
6	Thủ tục Thành lập các Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Khoa học và công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ
7	Thủ tục Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ nghiên cứu và triển khai cấp tỉnh	Khoa học và công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ
8	Thủ tục Phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ nghiên cứu và kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Khoa học và công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ
9	Thủ tục Công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Khoa học và công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ
10	Thủ tục lấy ý kiến về việc đầu nối vào đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
11	Thủ tục Phê duyệt điều chỉnh bổ sung điểm đầu nối vào quốc lộ và đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải
12	Thủ tục Phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải
13	Thủ tục Phê duyệt về đặt số hiệu hệ thống đường huyện	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. LĨNH VỰC NÔNG THÔN MỚI

1. Thủ tục công nhận (đánh giá, thẩm tra, thẩm định) xã đạt chuẩn nông thôn mới/xã đạt chuẩn nông thôn mới (NTM) nâng cao

1.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức đánh giá, lấy ý kiến

UBND xã tổ chức xây dựng báo cáo kết quả thực hiện xây dựng NTM/NTM nâng cao của xã; gửi báo cáo để lấy ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của xã; báo cáo được thông báo, công bố công khai tại trụ sở UBND xã, nhà văn hóa các thôn, bản, ấp và trên hệ thống truyền thanh của xã ít nhất 05 lần trong thời hạn 15 ngày để thông báo rộng rãi và tiếp nhận ý kiến góp ý của Nhân dân.

UBND xã bổ sung hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện xây dựng NTM/NTM nâng cao, của xã khi nhận được ý kiến tham gia bằng văn bản của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của xã.

- Bước 2: Hoàn thiện hồ sơ

UBND xã tổ chức họp (gồm các thành viên Ban quản lý xã, các Ban phát triển thôn) thảo luận, bỏ phiếu đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM/NTM nâng cao; hoàn thiện hồ sơ khi kết quả ý kiến nhất trí của các đại biểu dự họp phải đạt từ 90% trở lên, trình UBND huyện/thị xã/thành phố (viết tắt là UBND cấp huyện).

- Bước 3: Gửi hồ sơ đề nghị xét, công nhận

UBND cấp xã gửi hồ sơ đề nghị thẩm tra xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM/xã đạt chuẩn NTM nâng cao qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp về UBND cấp huyện để thẩm tra (01 bộ hồ sơ) và chịu trách nhiệm về toàn bộ thông tin, nội dung của hồ sơ.

- Bước 4: Tổ chức thẩm tra, lấy ý kiến

Trường hợp xã chưa đủ điều kiện, hồ sơ chưa hợp lệ để đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, UBND cấp huyện trả lời bằng văn bản cho UBND xã và nêu rõ lý do.

UBND cấp huyện tổ chức thẩm tra hồ sơ, đánh giá thực tế kết quả thực hiện xây dựng NTM/NTM nâng cao đối với từng xã đủ điều kiện để đề nghị xét, công nhận; xây dựng báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn NTM/NTM nâng cao đối với từng xã; gửi báo cáo để lấy ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện; thông báo rộng rãi dự thảo báo cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng của huyện; bổ sung hoàn thiện báo cáo đối với từng xã khi nhận được ý kiến tham gia bằng văn bản của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện.

Mặt trận Tổ quốc cấp huyện chủ trì, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc xã và các tổ chức chính trị - xã hội của xã tiến hành lấy ý kiến sự hài lòng của người

dân trên địa bàn xã đối với việc đề nghị công nhận xã đạt chuẩn NTM/xã đạt chuẩn NTM nâng cao.

- Bước 5: Hoàn thiện hồ sơ

UBND cấp huyện tổ chức họp (gồm các thành viên Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) cấp huyện - viết tắt là Ban Chỉ đạo cấp huyện) thảo luận, bỏ phiếu đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM/xã đạt chuẩn NTM nâng cao đối với từng xã; hoàn thiện hồ sơ khi kết quả ý kiến nhất trí của các đại biểu dự họp phải đạt từ 90% trở lên, trình UBND cấp tỉnh (Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

- Bước 6: Tổ chức thẩm định, công nhận

Trường hợp xã chưa đủ điều kiện, hồ sơ chưa hợp lệ để đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM/xã đạt chuẩn NTM nâng cao, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND cấp tỉnh trả lời bằng văn bản cho UBND cấp huyện và nêu rõ lý do.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng báo cáo và báo cáo UBND cấp tỉnh về kết quả thẩm định hồ sơ và mức độ đạt chuẩn NTM/NTM nâng cao đối với từng xã đủ điều kiện để đề nghị xét, công nhận (trên cơ sở báo cáo bằng văn bản của các sở, ngành cấp tỉnh đánh giá, xác nhận mức độ đạt chuẩn đối với các nội dung, tiêu chí được giao phụ trách).

Chủ tịch UBND cấp tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định xét, đề nghị công nhận xã đạt chuẩn NTM/xã đạt chuẩn NTM nâng cao (gọi chung là Hội đồng thẩm định cấp tỉnh), gồm đại diện lãnh đạo các sở, ngành cấp tỉnh có liên quan. Chủ tịch Hội đồng thẩm định cấp tỉnh là một lãnh đạo UBND cấp tỉnh phụ trách Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn.

Hội đồng thẩm định cấp tỉnh tổ chức họp, thảo luận, bỏ phiếu xét, đề nghị công nhận xã đạt chuẩn NTM/xã đạt chuẩn NTM nâng cao đối với từng xã (cuộc họp chỉ được tiến hành khi có từ 70% trở lên số thành viên Hội đồng thẩm định cấp tỉnh dự họp). Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoàn thiện hồ sơ khi kết quả ý kiến nhất trí của các thành viên Hội đồng thẩm định cấp tỉnh dự họp phải đạt từ 90% trở lên, trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

Chủ tịch UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định công nhận xã đạt chuẩn NTM/xã đạt chuẩn NTM nâng cao trên địa bàn.

- Bước 7: Công bố

Quyết định công nhận xã đạt chuẩn NTM/xã đạt chuẩn NTM nâng cao được công khai trên báo, đài phát thanh, truyền hình và trang thông tin điện tử của cấp tỉnh.

Chủ tịch UBND cấp huyện công bố xã đạt chuẩn NTM/xã đạt chuẩn NTM nâng cao; thời hạn tổ chức công bố không quá 45 ngày kể từ ngày quyết định công nhận (trừ trường hợp địa phương thực hiện phong tỏa, giãn cách xã hội do phòng chống dịch bệnh, hoặc địa phương thực hiện khắc phục thiệt hại do thiên tai). Việc

tổ chức công bố xã đạt chuẩn NTM/xã đạt chuẩn NTM nâng cao thực hiện đảm bảo trang trọng, tiết kiệm, không phô trương.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ.

(i) Hồ sơ gửi UBND cấp huyện:

- Tờ trình của UBND xã đề nghị thẩm tra, xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM/ xã đạt chuẩn NTM nâng cao (bản chính, theo Mẫu số 01 tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg);

- Biên bản cuộc họp của UBND xã đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM/xã đạt chuẩn NTM nâng cao (bản chính, theo Mẫu số 16 tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg);

- Báo cáo của UBND xã về kết quả thực hiện xây dựng NTM/NTM nâng cao (bản chính, theo Mẫu số 06 kèm theo biểu chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí xã NTM, tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg);

- Báo cáo của UBND xã về tổng hợp ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của xã đối với kết quả thực hiện xây dựng NTM/NTM nâng cao của xã (bản chính, theo Mẫu số 13 tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg);

- Báo cáo của UBND xã về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM/NTM nâng cao trên địa bàn xã (bản chính);

- Hình ảnh minh họa về kết quả thực hiện xây dựng NTM/NTM nâng cao.

(ii) Hồ sơ gửi UBND cấp tỉnh:

- Tờ trình của UBND cấp huyện đề nghị thẩm định, xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM/xã đạt chuẩn NTM nâng cao đối với từng xã (bản chính, theo Mẫu số 02 tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg);

- Biên bản cuộc họp của UBND cấp huyện đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM/xã đạt chuẩn NTM nâng cao đối với từng xã (bản chính, theo Mẫu số 17 tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg);

- Báo cáo của UBND cấp huyện về kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn NTM/NTM nâng cao đối với từng xã (bản chính, theo Mẫu số 21 kèm theo biểu chi tiết thẩm tra mức độ đạt chuẩn từng tiêu chí xã NTM tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg);

- Báo cáo của UBND cấp huyện về tổng hợp ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện đối với kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn NTM/NTM nâng cao đối với từng xã (bản chính, theo Mẫu số 27 tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg);

- Báo cáo của Mặt trận Tổ quốc cấp huyện về kết quả lấy ý kiến sự hài lòng của người dân trên địa bàn xã đối với việc đề nghị công nhận xã đạt chuẩn NTM/xã đạt chuẩn NTM nâng cao đối với từng xã (bản chính).

- Kèm theo hồ sơ của UBND xã đã gửi UBND cấp huyện.

1.4. Thời hạn giải quyết:

- Tổ chức lấy ý kiến rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng: 15 ngày.
- UBND cấp huyện trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.
- UBND cấp tỉnh trả lời UBND cấp huyện về hồ sơ hợp lệ để cét, công nhận: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.
- Công bố quyết định: 45 ngày kể từ ngày quyết định công nhận.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp xã.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND cấp tỉnh.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Công nhận xã đạt chuẩn NTM/xã đạt chuẩn NTM nâng cao theo mẫu số 34.1 tại Phụ lục I kèm theo Quyết định 18/2022/QĐ-TTg.

1.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ trình của UBND xã đề nghị thẩm tra, xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM/xã đạt chuẩn NTM nâng cao (bản chính, theo Mẫu số 01 tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg);
- Biên bản cuộc họp của UBND xã đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM/xã đạt chuẩn NTM nâng cao (bản chính, theo Mẫu số 16 tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg);
- Báo cáo của UBND xã về kết quả thực hiện xây dựng NTM/NTM nâng cao của xã (bản chính, theo Mẫu số 06 kèm theo biểu chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí xã NTM/xã NTM nâng cao tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg);
- Báo cáo của UBND xã về tổng hợp ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của xã đối với kết quả thực hiện xây dựng NTM/NTM nâng cao của xã (bản chính, theo Mẫu số 13 tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg);
- Tờ trình của UBND cấp huyện đề nghị thẩm định, xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM/NTM nâng cao đối với từng xã (bản chính, theo Mẫu số 02 tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg);
- Biên bản cuộc họp của UBND cấp huyện đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM/xã đạt chuẩn NTM nâng cao đối với từng xã (bản chính, theo Mẫu số 17 tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg);
- Báo cáo của UBND cấp huyện về kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn NTM/NTM nâng cao đối với từng xã (bản chính, theo Mẫu số 21 kèm theo

biểu chi tiết thẩm tra mức độ đạt chuẩn từng tiêu chí xã NTM/ xã NTM nâng cao tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg);

- Báo cáo của UBND cấp huyện về tổng hợp ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện đối với kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn NTM/NTM nâng cao đối với từng xã (bản chính, theo Mẫu số 27 tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg).

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Xã được công nhận đạt chuẩn NTM/NTM nâng cao khi:

- Đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của: Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM/xã NTM nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

- Không có nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn;

- Có tỷ lệ hài lòng của người dân trên địa bàn đối với kết quả xây dựng NTM/NTM nâng cao của xã đáp ứng yêu cầu theo quy định;

- Xã không phức tạp về an ninh, trật tự theo quy định của Bộ Công an.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

- Quyết định số 710/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Mẫu số 01

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ....
-----CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../TTTr-UBND

....., ngày tháng năm 20.....

TỜ TRÌNH**Đề nghị thẩm tra, xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM/NTM
nâng cao năm**Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện/thị xã/thành phố, tỉnh/thành
phố.....

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương).

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương).

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày/...../20..... của UBND xã..... đề nghị
xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM/ NTM nâng cao nămUBND xã kính trình UBND huyện/thị xã/thành phố..... thẩm tra,
đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn NTM/ NTM nâng cao

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1. Biên bản cuộc họp của UBND xã..... đề nghị xét, công nhận
xã..... đạt chuẩn NTM/ NTM nâng cao năm..... (bản chính).
2. Báo cáo của UBND xã..... về kết quả thực hiện xây dựng NTM/ NTM
nâng cao năm của xã (bản chính, kèm theo biểu chi tiết kết quả
thực hiện các tiêu chí xã NTM/ NTM nâng cao).
3. Báo cáo của UBND xã..... tổng hợp ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ
quốc xã, các tổ chức chính trị - xã hội của xã và nhân dân trong xã đối với kết
quả thực hiện xây dựng NTM/ NTM nâng cao năm của xã
(bản chính).
4. Báo cáo của UBND xã..... về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong
thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã..... (bản chính).
5. Hình ảnh minh họa về kết quả thực hiện xây dựng NTM/ NTM nâng cao của
xã.....

Kính đề nghị UBND huyện/thị xã/thành phố, tỉnh/thành phố
..... xem xét, thẩm tra.**Nơi nhận:**

- Như trên;
-
-
- Lưu: VT,

TM. UBND XÃ...**CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN/THỊ XÃ/TP...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/TTr-UBND

....., ngày tháng năm 20....

TỜ TRÌNH

**Đề nghị thẩm định, xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM/NTM
nâng cao năm**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương).

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương).

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày/...../20..... của UBND huyện/thị xã/thành phố đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM/ NTM nâng cao năm

UBND huyện/thị xã/thành phố kính trình UBND tỉnh/thành phố thẩm định, xét công nhận xã đạt chuẩn NTM/ NTM nâng cao năm

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1. Biên bản cuộc họp của UBND huyện/thị xã/thành phố đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM/ NTM nâng cao năm (bản chính).

2. Báo cáo của UBND huyện/thị xã/thành phố về kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn NTM/ NTM nâng cao năm đối với xã (bản chính, kèm theo biểu chi tiết thẩm tra mức độ đạt từng tiêu chí NTM/ NTM nâng cao đối với xã).

3. Báo cáo của UBND huyện/thị xã/thành phố tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn huyện/thị xã/thành phố đối với kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn NTM/ NTM nâng cao năm đối với xã (bản chính).

4. Báo cáo của Mặt trận Tổ quốc huyện/thị xã/thành phố về kết quả lấy ý kiến sự hài lòng của người dân trên địa bàn xã đối với việc công nhận xã đạt chuẩn NTM/ NTM nâng cao năm (bản chính).

(Kèm theo hồ sơ của UBND xã nộp để thẩm tra)

Kính đề nghị UBND tỉnh/thành phố xem xét, thẩm định.

Nơi nhận:

- Như trên;

-;

-;

- Lưu: VT,

TM. UBND HUYỆN/THỊ XÃ/TP...

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../BC-UBND

....., ngày tháng năm 20.....

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện xây dựng NTM/ NTM nâng cao đến năm..... của xã....., huyện/thị xã/thành phố, tỉnh/thành phố

I. Đặc điểm tình hình chung

1. Nêu tổng quan về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của xã
2. Thuận lợi
3. Khó khăn

II. Căn cứ triển khai thực hiện

Căn cứ các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương và của địa phương.

III. Kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã NTM/ NTM nâng cao

1. Công tác chỉ đạo, điều hành
2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn
 - a) Công tác truyền thông.
 - b) Công tác đào tạo, tập huấn.
3. Công tác chỉ đạo phát triển sản xuất, ngành nghề, nâng cao thu nhập cho người dân
 - a) Công tác phát triển kinh tế nông thôn.
 - b) Công tác phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn.
 - c) Kết quả nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân.
4. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng xã NTM/ NTM nâng cao
 Tổng kinh phí đã thực hiện: triệu đồng, trong đó:
 - Ngân sách trung ương: triệu đồng, chiếm%;
 - Ngân sách cấp tỉnh: triệu đồng, chiếm%;
 - Ngân sách cấp huyện: triệu đồng, chiếm%;
 - Ngân sách xã: triệu đồng, chiếm%;
 - Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án: ... triệu đồng, chiếm%;
 - Vốn tín dụng: triệu đồng, chiếm%;
 - Doanh nghiệp: triệu đồng, chiếm%;
 - Nhân dân đóng góp: triệu đồng, chiếm%.
 - Vốn huy động khác (nếu có): triệu đồng, chiếm%.

IV. Kết quả thực hiện các tiêu chí xã NTM/ NTM nâng cao

Tổng số tiêu chí xã tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn NTM/ NTM nâng cao theo quy định là/..... (tổng số) tiêu chí, đạt%, cụ thể (cần đánh giá cụ thể: khối lượng đã thực hiện hoàn thành/tổng khối lượng cần phải thực hiện, tỷ lệ (%) đạt chuẩn, mức độ đạt chuẩn đối với từng tiêu chí, chỉ tiêu):

1. Tiêu chí số về
- a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

.....

- Các nội dung đã thực hiện:

.....

- Khối lượng đã thực hiện:

.....

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (tự đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).

n. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

.....

- Các nội dung đã thực hiện:

.....

- Khối lượng đã thực hiện:

.....

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (tự đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).

V. Đánh giá chung

1. Những mặt đã làm được

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

3. Bài học kinh nghiệm

4. Những mô hình xây dựng nông thôn mới tiêu biểu

VI. Kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí xã NTM/ NTM nâng cao

1. Quan điểm

2. Mục tiêu

3. Nội dung, giải pháp

Nơi nhận:

-

-

- Lưu: VT,

TM. UBND XÃ ...

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ XÃ NÔNG
THÔN MỚI/ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO ĐẾN NĂM.....**

của xã, huyện/thị xã/thành phố, tỉnh/thành phố

*(Kèm theo Báo cáo số/BC-UBND ngày...tháng...năm 20... của UBND xã
.....)*

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn (Cần ghi rõ từng tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể quy định áp dụng đối với vùng)	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã
1		1.1.			
		1.2.			
					
2		2.1.			
		2.2.			
					
...					

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/BC-UBND

..., ngày ... tháng ... năm 20...

BÁO CÁO

**Tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thực hiện xây dựng xã NTM/
NTM nâng cao đến năm... trên địa bàn xã..., huyện/thị xã/thành phố...,
tỉnh/thành phố...**

I. Tóm tắt quá trình UBND xã tổ chức lấy ý kiến tham gia

-
-

II. Tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thực hiện xây dựng xã NTM/ NTM nâng cao mới năm trên địa bàn xã

1. Ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của xã
 - Hình thức tham gia ý kiến:
 - Ý kiến tham gia:
 - Đề xuất, kiến nghị (nếu có):
2. Ý kiến tham gia của các tổ chức khác trên địa bàn xã (các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, hợp tác xã,...)
 - Hình thức tham gia ý kiến:
 - Ý kiến tham gia:
 - Đề xuất, kiến nghị (nếu có):
3. Ý kiến tham gia của nhân dân trên địa bàn xã
 - Ý kiến tham gia:
 - Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

III. Kết quả tiếp thu ý kiến tham gia, giải trình của UBND xã

-
-

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT,

TM. UBND XÃ...

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20.....

BIÊN BẢN

**Họp đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM/ NTM nâng cao
năm ...**

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Báo cáo số ngày / / của UBND xã về tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thực hiện xây dựng xã NTM/ NTM nâng cao năm của xã.

Căn cứ Báo cáo số ngày / / của UBND xã về kết quả thực hiện xây dựng xã NTM/ NTM nâng cao năm của xã.

Hôm nay, vào hồi giờ phút ngày / / tại, UBND xã (huyện/thị xã/thành phố, tỉnh/thành phố) tổ chức họp đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM/ NTM nâng cao năm, cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ CUỘC HỌP, GỒM CÓ:

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp;

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác;

-

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. UBND xã báo cáo kết quả: Tự đánh giá kết quả thực hiện xây dựng xã NTM/ NTM nâng cao của xã; tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thực hiện xây dựng xã NTM/ NTM nâng cao của xã.

2. Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về đề nghị, xét công nhận xã đạt chuẩn NTM/ NTM nâng cao năm, cụ thể như sau:

-

3. Kết quả bỏ phiếu: Số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM/ NTM nâng cao năm là / tổng số thành viên tham dự cuộc họp, đạt %.

Biên bản kết thúc hồi giờ phút ngày / /, đã thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí %.

Biên bản này được lập thành bản có giá trị pháp lý như nhau: UBND xã lưu bản; để làm hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM/ NTM nâng cao gửi UBND huyện/thị xã/thành phố bản.

THƯ KÝ CUỘC HỌP
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 17

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN/THỊ XÃ/TP...CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

BIÊN BẢN**Họp đề nghị xét, công nhận xã..... đạt chuẩn NTM/ NTM nâng cao
năm ...**

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Báo cáo số ngày/...../..... của UBND huyện/thị xã/thành phố
..... về tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ
đạt chuẩn NTM/ NTM nâng cao năm đối với xãCăn cứ Báo cáo số ngày/...../..... của UBND huyện/thị xã/thành phố
..... về kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn NTM/ NTM nâng cao
năm đối với xãHôm nay, vào hồi giờ phút ngày/...../..... tại, UBND
huyện/thị xã/thành phố (tỉnh/thành phố) tổ chức họp đề nghị xét,
công nhận xã đạt chuẩn NTM/ NTM nâng cao năm, cụ thể như
sau:**I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:**

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp;
- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác;
- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP1. UBND huyện/thị xã/thành phố trình bày Báo cáo: Kết quả thẩm tra hồ sơ và
mức độ đạt chuẩn nông thôn mới năm đối với xã; tổng hợp
ý kiến tham gia đối với kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn NTM/ NTM
nâng cao năm đối với xã2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện/thị xã/thành phố trình bày Báo cáo kết quả lấy
ý kiến sự hài lòng của người dân trên địa bàn xã đối với việc công nhận xã
..... đạt chuẩn NTM/ NTM nâng cao năm3. Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về đề nghị xét,
công nhận xã đạt chuẩn NTM/ NTM nâng cao năm, cụ thể như
sau:

-

-

4. Kết quả bỏ phiếu: Số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị xét, công
nhận xã đạt chuẩn NTM/ NTM nâng cao năm là/tổng số
..... thành viên tham dự cuộc họp, đạt%.

Biên bản kết thúc hội giờ phút ngày/...../....., đã thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí%.

Biên bản này được lập thànhbản có giá trị pháp lý như nhau: UBND huyện/thị xã/thành phố lưu bản; để làm hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM/ NTM nâng cao gửi UBND tỉnh/thành phố bản.

THƯ KÝ CUỘC HỌP

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN/THỊ XÃ/TP....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/BC-UBND

....., ngày tháng năm 20.....

BÁO CÁO

**Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn NTM/ NTM nâng cao năm
..... đối với xã, huyện/thị xã/TP, tỉnh/TP**

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ đề nghị của UBND xã tại Tờ trình số/TTr-UBND ngày
...../...../..... về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM/ NTM
nâng cao năm.....

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế xây dựng xã NTM/ NTM nâng
cao trên địa bàn xã, UBND huyện/thị xã/thành phố báo cáo kết
quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã NTM/ NTM nâng cao năm..... đối
với xã, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (từ ngày/...../..... đến ngày/...../.....):

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã NTM/ NTM nâng cao

3. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã NTM/ NTM nâng cao
(*cần đánh giá từng chỉ tiêu, tiêu chí cụ thể*)

3.1. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

.....

- Các nội dung đã thực hiện:

.....

- Khối lượng thực hiện:

.....

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (*đánh giá trên cơ sở kết quả
thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí*).

3.n. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

.....

- Các nội dung đã thực hiện:

.....

- Khối lượng thực hiện:

.....

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).

4. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã NTM/ NTM nâng cao

-

5. Về kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí xã NTM/ NTM nâng cao

-

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã NTM/ NTM nâng cao

- Tổng số tiêu chí NTM/ NTM nâng cao của xã đã được UBND huyện/thị xã/thành phố thẩm tra đạt chuẩn NTM/ NTM nâng cao tính đến thời điểm thẩm tra là:/19 tiêu chí, đạt%.

-

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã NTM/ NTM nâng cao

-

-

III. KIẾN NGHỊ

1.

n.

Nơi nhận:

-

-

- Lưu: VT,

TM. UBND HUYỆN/THỊ XÃ/TP...

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA MỨC ĐỘ ĐẠT CHUẨN CÁC
TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI/ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO
ĐẾN NĂM.....**

đối với xã, huyện/thị xã/thành phố, tỉnh/thành phố
(Kèm theo Báo cáo số .../BC-UBND ngày.... tháng.... năm 20.... của UBND
huyện/thị xã/TP))

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn (Cần ghi rõ từng tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể quy định áp dụng đối với vùng)	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện/thị xã/TP
1		1.1.			
		1.2.			
					
2		2.1.			
		2.2.			
					
....					

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN/THỊ XÃ/TP....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/BC-UBND

....., ngày tháng năm 20.....

BÁO CÁO

Tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã NTM/ NTM nâng cao năm.... đối với xã, huyện/thị xã/TP, tỉnh/TP

I. Tóm tắt quá trình UBND huyện/thị xã/TP tổ chức lấy ý kiến tham gia

-
-

II. Tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã NTM/ NTM nâng cao năm đối với xã

1. Ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của huyện/thị xã/thành phố

- Hình thức tham gia ý kiến:
- Ý kiến tham gia:
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

2. Ý kiến tham gia của các đơn vị, tổ chức khác trên địa bàn huyện/thị xã/thành phố (tên đơn vị, tổ chức:)

- Hình thức tham gia ý kiến:
- Ý kiến tham gia:
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

3. Ý kiến tham gia của nhân dân trên địa bàn huyện/thị xã/thành phố

- Ý kiến tham gia:
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

III. Kết quả tiếp thu ý kiến tham gia, giải trình của UBND huyện/thị xã/thành phố

-
-

Nơi nhận:

-
-
-
- Lưu: VT,

**TM. UBND HUYỆN/THỊ XÃ/TP...
CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

II. LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Thủ tục Xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1.1. Trình tự thực hiện:

a) *Thời gian thực hiện:* Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định).

b) *Địa điểm thực hiện:* Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai, địa chỉ: 98B đường Phạm Văn Đồng, phường Hoa Lư, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

c) *Trình tự thực hiện:*

- Bước 1: Định kỳ hàng năm hoặc theo tính cấp thiết, Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu văn bản thông báo để các cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ bắt đầu thực hiện năm sau. Đồng thời đăng thông báo trên website của Sở về đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ hàng năm.

- Bước 2: Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp các đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh theo từng lĩnh vực nghiên cứu. Xây dựng danh mục tổng hợp nhiệm vụ.

- Bước 3: Gửi Danh mục đến các cơ quan, đơn vị, địa phương để lấy ý kiến đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ và hoàn thiện đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

1.2. Cách thức thực hiện: Gửi văn bản đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân qua Phần mềm Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, email, bưu điện.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) *Thành phần hồ sơ:*

- Công văn thông báo đề xuất nhiệm vụ.
- Mẫu phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
- Công văn; Danh mục nhiệm vụ đã tổng hợp.

b) *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, các tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Gia Lai.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Khoa học và Công nghệ.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Danh mục tổng hợp đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ trình UBND tỉnh thành lập các Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

1.8. Phí, lệ phí: Không.

1.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 01: Thông báo về việc đề xuất nhiệm vụ nghiên cứu và triển khai.
- Mẫu số 02: Phiếu đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (*dùng cho đề tài hoặc đề án*).
- Mẫu số 03: Phiếu đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (*Dùng cho dự án sản xuất thử nghiệm*).
- Mẫu số 04: Phiếu đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (*Dùng cho dự án khoa học và công nghệ*).
- Mẫu số 05: Tổng hợp danh mục các nhiệm vụ đề xuất cho kế hoạch năm.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.
- Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 15/9/2015 của UBND tỉnh ban hành quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-SKHCN

Gia Lai, ngày tháng năm 202..

THÔNG BÁO
Về việc đề xuất nhiệm vụ nghiên cứu và triển khai năm 20....

Căn cứ Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 15/9/2015 của UBND tỉnh Gia Lai ban hành quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Để có cơ sở tổng hợp, tham mưu trình UBND tỉnh Gia Lai chọn lựa các nhiệm vụ KH&CN (đề tài, dự án) phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, Sở KH&CN tỉnh Gia Lai thông báo để các đơn vị, tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh Gia Lai biết đề xuất nhiệm vụ nghiên cứu và triển khai cho kế hoạch năm 2024.

- 1. Căn cứ đề xuất nhiệm vụ KH&CN**
- 2. Yêu cầu đối với đề xuất các nhiệm vụ**
- 3. Định hướng nội dung đề xuất các nhiệm vụ nghiên cứu và triển khai năm 202.... thuộc các lĩnh vực**

4. Thời gian gửi phiếu đề xuất nhiệm vụ

- Phiếu đề xuất nhiệm vụ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh đề nghị gửi về Sở KH&CN tỉnh Gia Lai *trước ngày.....*

- Các biểu mẫu đề nghị truy cập vào trang thông tin điện tử của Sở KH&CN tỉnh Gia Lai: www.skhcn.gialai.gov.vn hoặc liên hệ Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai (thông qua Phòng Quản lý Khoa học) theo số điện thoại: 0269.3830166 để được hướng dẫn cụ thể. Đồng thời, gửi phiếu đề xuất nhiệm vụ qua địa chỉ email: haintt.skhcn@gialai.gov.vn

Sở KH&CN tỉnh Gia Lai thông báo để các đơn vị, tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh Gia Lai biết đề xuất nhiệm vụ nghiên cứu và triển khai cho kế hoạch năm 20..../.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Các Hội, Hiệp hội, DN, HTX;
- Các tổ chức KH&CN;
- Các viện, trường Đại học;
- Liên hiệp các Hội KH&KT tỉnh;
- GD, các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, QLKH.

GIÁM ĐỐC

TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ XUẤTCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm 20....

PHIẾU ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH
(Dùng cho đề tài hoặc đề án)

Thông tin đơn vị đề xuất:

- Tên đơn vị:
- Họ tên người đề xuất:
- Địa chỉ (số điện thoại liên lạc)

1. Tên Đề tài/Đề án:

2. Căn cứ đề xuất (giải trình căn cứ theo quy định tại Điều 3 của Thông tư 03/2017/TT-BKHCN Quy định trình tự thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước):

3. Tính cấp thiết; tầm quan trọng phải thực hiện ở tầm quốc gia; tác động và ảnh hưởng đến đời sống kinh tế - xã hội của đất nước v.v...

4. Mục tiêu:

5. Yêu cầu các kết quả chính và các chỉ tiêu cần đạt:

6. Kiến nghị các nội dung chính cần thực hiện để đạt kết quả:

7. Dự kiến tổ chức, cơ quan hoặc địa chỉ ứng dụng các kết quả tạo ra:

8. Yêu cầu đối với thời gian để đạt được các kết quả:

9. Dự kiến nhu cầu kinh phí:

..., ngày ... tháng... năm 20.....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT

(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với tổ chức)

* Ghi chú: Nội dung đề xuất không được chọn, Sở xin miễn thông báo lại.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm 20....

PHIẾU ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH
(Dùng cho dự án sản xuất thử nghiệm)

Thông tin đơn vị đề xuất:

- Tên đơn vị:
- Họ tên người đề xuất:
- Địa chỉ (số điện thoại liên lạc): Email:

1. Tên dự án SXTN:
2. Xuất xứ hình thành: (từ một trong các nguồn sau: kết quả của các đề tài; kết quả khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích; kết quả KH&CN chuyển giao từ nước ngoài... có khả năng ứng dụng).
3. Tính cấp thiết; tầm quan trọng phải thực hiện ở tầm quốc gia; tác động và ảnh hưởng đến đời sống kinh tế - xã hội của đất nước v.v...:
4. Mục tiêu:
5. Kiến nghị các nội dung chính cần thực hiện để hoàn thiện công nghệ và đạt kết quả:
6. Yêu cầu đối với kết quả (công nghệ, thiết bị) và các chỉ tiêu kỹ thuật cần đạt:
7. Nhu cầu thị trường: (Khả năng thị trường tiêu thụ, phương thức chuyển giao và thương mại hoá các sản phẩm của dự án)
8. Dự kiến tổ chức cơ quan hoặc địa chỉ ứng dụng các kết quả tạo ra:
9. Yêu cầu đối với thời gian thực hiện:
10. Phương án huy động các nguồn lực của tổ chức dự kiến ứng dụng kết quả tạo ra: *(Khả năng huy động nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất từ các nguồn khác nhau để thực hiện dự án)*
11. Dự kiến nhu cầu kinh phí:

..., ngày ... tháng... năm 20.....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT
(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với tổ chức)

TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ XUẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm 20....

PHIẾU ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH
(Dùng cho dự án Khoa học và Công nghệ)

Thông tin đơn vị đề xuất:

- Tên đơn vị:

- Họ tên người đề xuất:

- Địa chỉ (số điện thoại liên lạc): email:

1. Tên dự án khoa học và công nghệ (KH&CN):
2. Xuất xứ hình thành: (nêu rõ nguồn hình thành của dự án KH&CN, tên dự án đầu tư sản xuất, các quyết định phê duyệt liên quan ...)
3. Tính cấp thiết; tầm quan trọng phải thực hiện ở tầm quốc gia; tác động và ảnh hưởng đến đời sống kinh tế - xã hội của đất nước v.v....:
4. Mục tiêu:
5. Nội dung KH&CN chủ yếu: *(mỗi nội dung đặt ra có thể hình thành được một đề tài, hoặc dự án SXTN)*
6. Yêu cầu đối với kết quả (công nghệ, thiết bị) và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt:
7. Dự kiến tổ chức, cơ quan hoặc địa chỉ ứng dụng các kết quả tạo ra:
8. Yêu cầu đối với thời gian thực hiện:
9. Năng lực của tổ chức, cơ quan dự kiến ứng dụng kết quả:
10. Dự kiến nhu cầu kinh phí:
11. Phương án huy động các nguồn lực của cơ tổ chức, cơ quan dự kiến ứng dụng kết quả: *(khả năng huy động nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất từ các nguồn khác nhau để thực hiện dự án)*
12. Dự kiến hiệu quả của dự án KH&CN:
 - 12.1. Hiệu quả kinh tế - xã hội: *(cần làm rõ đóng góp của dự án KH&CN đối với các dự án đầu tư sản xuất trước mắt và lâu dài bao gồm số tiền làm lợi và các đóng góp khác...)*
 - 12.2. Hiệu quả về khoa học và công nghệ: *(tác động đối với lĩnh vực khoa học công nghệ liên quan, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, tăng cường năng lực nội sinh...)*

..., ngày ... tháng... năm 20.....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT
(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với tổ chức)

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ ĐỀ XUẤT
CHO KẾ HOẠCH NĂM**

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan đề xuất	Mục tiêu	Nội dung	Sản phẩm dự kiến	Khả năng đại chỉ áp dụng	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Ghi chú

- Tổng số nhiệm vụ đề xuất:

- Tổng KP:

2. Thủ tục Tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

2.1. Trình tự thực hiện:

a) Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định).

b) Địa điểm thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ, địa chỉ: 98B đường Phạm Văn Đồng, phường Hoa Lư, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

c) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sau khi có Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh về danh mục nhiệm vụ nghiên cứu triển khai, Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng các nhiệm vụ giao theo hình thức tuyển chọn với các yếu tố cơ bản cho từng nhiệm vụ.

- Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ của các tổ chức và cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn, xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của từng hồ sơ. Tổ chức mở hồ sơ đối với những nhiệm vụ tuyển chọn.

- Bước 3: Tiến hành thành lập Hội đồng đánh giá, tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ.

2.2. Cách thức thực hiện:

- Đăng thông báo tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trên trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai tại địa chỉ: <http://www.skhn.gialai.gov.vn>.

- Nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Đối với thông báo tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, gồm:

- + Thông báo đề nghị xây dựng thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
- + Quyết định phê duyệt danh mục của UBND tỉnh.
- + Mẫu thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Đối với tiếp nhận hồ sơ của các tổ chức và cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn, gồm:

- + Biên bản nhận hồ sơ đối với tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp.
- + Biên bản mở hồ sơ.

- Đối với hồ sơ hợp Hội đồng gồm: Quyết định thành lập Hội đồng; Giấy mời; Thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Phiếu đánh giá; Phiếu nhận xét về ngày công quy đổi (áp dụng đối với Phản biện); Bài nhận xét; Biên bản

kiểm phiếu; Bảng tổng hợp phiếu; Biên bản họp Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành.

b) Số lượng hồ sơ: 15 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Khoa học và Công nghệ.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Tuyển chọn được tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ.

2.8. Phí, lệ phí: Không.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 01: Biên bản mở hồ sơ đăng ký tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

- Mẫu số 02: Quyết định về việc thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành đánh giá hồ sơ tuyển chọn/giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Mẫu số 03: Biên bản họp hội đồng đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

2.11 Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 08/2017/TT-BKHHCN ngày 26/6/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ về quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

- Điều 8, Điều 9, Điều 10 Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 15/9/2015 của UBND tỉnh ban hành quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Thành phần hồ sơ được thể hiện trong bảng sau:

TT	Tên hồ sơ	Có	Không	Ghi chú
1	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ; Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký kinh doanh của tổ chức chủ trì			Giấy đăng ký kinh doanh của tổ chức chủ trì
2	Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN			
3	Thuyết minh nhiệm vụ KH&CN			
4	Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
5	Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm và các thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự			
6	Báo cáo tài chính 02 đến 03 năm gần nhất của tổ chức chủ trì đã nộp các cơ quan quản lý theo quy định			
7	Điều lệ hoạt động của tổ chức chủ trì (nếu có)			
8	Lý lịch khoa học của chuyên gia trong nước, chuyên gia nước ngoài (trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ có thuê chuyên gia)			
9	Văn bản xác nhận về sự đồng ý của các tổ chức tham gia phối hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có)			
10	Báo giá thiết bị, nguyên vật liệu chính cần mua sắm, dịch vụ cần thuê để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (thời gian báo giá không quá 30 ngày tính đến thời điểm nộp hồ sơ). Báo giá được cập nhật, điều chỉnh, bổ sung trước thời điểm họp thẩm định kinh phí (nếu cần);			
11	Phương án huy động vốn đối ứng đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải có vốn đối ứng. Văn bản cụ thể cần có cho từng trường hợp trong phương án huy động vốn đối ứng như sau: a) Đối với trường hợp sử dụng nguồn vốn tự có: Hồ sơ minh chứng tổ chức chủ trì có thể huy động được nguồn vốn tự có để thực hiện nhiệm vụ. b) Đối với trường hợp huy động vốn từ các cá nhân/tổ chức hoặc huy động vốn góp của chủ sở			

	hữu: Cam kết pháp lý và giấy tờ xác nhận về việc đóng góp vốn của các cá nhân/tổ chức/chủ sở hữu cho tổ chức chủ trì để thực hiện nhiệm vụ. c) Đối với trường hợp vay tổ chức tín dụng: Cam kết cho vay vốn của các tổ chức tín dụng để thực hiện nhiệm vụ hoặc hợp đồng hạn mức tín dụng còn hiệu lực của tổ chức tín dụng đối với tổ chức chủ trì. Trước khi ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ, nếu Tổ thẩm định kinh phí có yêu cầu, tổ chức chủ trì bổ sung Hợp đồng tín dụng cho nhiệm vụ với tổng giá trị hợp đồng tín dụng đảm bảo được vốn đối ứng thực hiện nhiệm vụ.			
12	Tài liệu liên quan khác			

Kết luận:

- Thành phần hồ sơ và tình trạng hồ sơ đăng ký tuyển chọn của đầy đủ, đảm bảo theo Thông báo của Sở Khoa học và Công nghệ.

- Đơn vị chịu trách nhiệm về thành phần hồ sơ và tình trạng hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ với Sở Khoa học và Công nghệ.

Các bên thống nhất và ký vào biên bản mở hồ sơ vào lúc

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ

**ĐẠI DIỆN
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-SKHCN

Gia Lai, ngày tháng năm....

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành
đánh giá hồ sơ tuyển chọn/giao trực tiếp tổ chức và cá nhân
thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ năm 20...**

GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

- Căn cứ Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 01/3/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai;

- Căn cứ Quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai ban hành kèm theo Quyết định 23/2015/QĐ-UBND ngày 15/9/2015 của UBND tỉnh Gia Lai;

- Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ nghiên cứu và triển khai năm;

- Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Khoa học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành xét duyệt đề cương chi tiết nhiệm vụ nghiên cứu và triển khai năm..... đối với

Thành phần Hội đồng gồm:

- 1.
- 2.

Điều 2. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành xét duyệt đề cương chi tiết đề tài, thực hiện theo quy định ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày của UBND tỉnh.

Kết quả đánh giá của Hội đồng là cơ sở để Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu cho UBND tỉnh xem xét, phê duyệt triển khai thực hiện nhiệm vụ.

Hội đồng tự giải tán sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các thành viên Hội đồng, cơ quan chủ trì, chủ nhiệm đề tài, Trưởng phòng Quản lý Khoa học và các phòng liên quan thuộc Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh;
- Lưu: VT, QLKH.

GIÁM ĐỐC

UBND TỈNH GIA LAI
HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN
TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP
NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG
ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP
TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH**

A. Những thông tin chung

1. Tên nhiệm vụ:

2. Quyết định thành lập Hội đồng: Số/QĐ-SKH&CN ngày/..... của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng

Địa điểm: Tại Hội trường Sở Khoa học và Công nghệ.

Thời gian: Ngày/...../.....

4. Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên:/..... thành viên.

- ..

- ...

Số thành viên vắng mặt: người.

- ..

- ...

5. Đại biểu dự họp Hội đồng

- ..

- ...

B. Nội dung làm việc của Hội đồng

1. Hội đồng nghe các chuyên gia phản biện đọc bản nhận xét, phân tích đánh giá hồ sơ nghiên cứu theo từng chỉ tiêu đánh giá đã được quy định. Đồng thời đã nêu câu hỏi đối với cơ quan chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ.

2. Hội đồng đã trao đổi, thảo luận kỹ hồ sơ nghiên cứu theo từng tiêu chí đã được quy định, nhận xét, đánh giá mặt mạnh, mặt hạn chế của hồ sơ nghiên cứu.

3. Bỏ phiếu đánh giá

- Hội đồng bầu Ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

1).....

2)

3)

- Hội đồng đã tiến hành bỏ phiếu đánh giá hồ sơ (hoặc từng hồ sơ đăng ký) theo nguyên tắc bỏ phiếu kín, trực tiếp. Kết quả kiểm phiếu đánh giá các hồ sơ được thể hiện trong biên bản kiểm phiếu kèm theo.

- Căn cứ kết quả kiểm phiếu, Hội đồng kiến nghị cá nhân, tổ chức sau được trúng tuyển:

+ Tên tổ chức:

+ Tên cá nhân:

C. Kết luận và kiến nghị của Hội đồng

1. Kết luận:

- Tên nhiệm vụ:

- Cơ quan chủ trì:

- Chủ nhiệm nhiệm vụ:

- Thời gian thực hiện:

- Tổng kinh phí (dự kiến) bố trí từ nguồn SNKH tỉnh:

- Mục tiêu:

- Các nội dung chính:

- Sản phẩm:

- Các kiến nghị khác:

2. Kiến nghị phương thức khoán chi

Kiến nghị phương thức khoán chi:

- Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng

☐

- Khoán chi từng phần

☐

3. Kiến nghị về số công lao động trực tiếp

Tổng số công lao động trực tiếp quy đổi			
Chủ nhiệm	Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học	Thành viên	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ
số công:	số công:	số công:	số công:

Hồ sơ nghiên cứu của nhiệm vụ trên cần hoàn chỉnh theo ý kiến đóng góp của Hội đồng và gửi về Sở Khoa học và Công nghệ 10 bản để tiến hành thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

Hội đồng đề nghị UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

THƯ KÝ KHOA HỌC

**TM. HỘI ĐỒNG KH&CN
CHỦ TỊCH**

3. Thủ tục Thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

3.1. Trình tự thực hiện

a) *Thời gian thực hiện:* Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định).

b) *Địa điểm thực hiện:* Sở Khoa học và Công nghệ, địa chỉ: 98B đường Phạm Văn Đồng, phường Hoa Lư, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

c) *Trình tự thực hiện:*

Khi cơ quan chủ trì đã hoàn chỉnh hồ sơ gửi về cho cơ quan quản lý, Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của từng hồ sơ và triển khai họp các Tổ Thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

3.2. Cách thức thực hiện: Tổ chức họp trực tiếp hoặc trực tuyến.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) *Thành phần hồ sơ:*

- Quyết định thành lập Tổ thẩm định, Giấy mời.
- Phiếu nhận xét thẩm định kinh phí.
- Thuyết minh đề cương chi tiết đã chỉnh sửa theo ý kiến góp ý của Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

b) *Số lượng hồ sơ:* 10 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính.

3.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Khoa học và Công nghệ.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Biên bản họp thẩm định.

3.8. Phí, lệ phí: Không.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 01: Quyết định về việc thành lập Tổ thẩm định kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
- Mẫu số 02: Biên bản họp thẩm định kinh phí dự án cấp tỉnh.
- Mẫu số 03: Biên bản họp thẩm định kinh phí đề tài/đề án cấp tỉnh.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Điều 11 Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 15/9/2015 của UBND tỉnh ban hành quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-SKHCN

Gia Lai, ngày tháng năm 20...

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập Tổ thẩm định kinh phí đối với nhiệm vụ
khoa học và công nghệ thực hiện từ năm ...**

GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 01/3/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 15/9/2015 của UBND tỉnh Gia Lai ban hành Quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../20... của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ nghiên cứu và triển khai cấp tỉnh thực hiện từ năm 20...;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Khoa học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Tổ thẩm định kinh phí đối với nhiệm vụ: “.....” do chủ trì thực hiện và làm chủ nhiệm nhiệm vụ.

Thành phần Tổ thẩm định kinh phí gồm:

1. - Tổ trưởng;
 2. Mời đại diện Sở Tài chính tỉnh Gia Lai - Tổ phó;
 3. - Thành viên;
- Thư ký hành chính (02 thư ký: 01 chuyên viên phòng Quản lý Khoa học và 01 chuyên viên Văn phòng Sở).

Điều 2. Tổ thẩm định có nhiệm vụ rà soát nội dung và thẩm định kinh phí của nhiệm vụ.

Kết quả thẩm định là cơ sở để Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu cho UBND tỉnh xem xét, phê duyệt hồ sơ nghiên cứu triển khai thực hiện.

Tổ thẩm định tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông (bà): Trưởng phòng Quản lý Khoa học, Chánh Văn phòng Sở, các cá nhân được mời tham gia tổ thẩm định tại Điều 1; Tổ chức chủ trì thực hiện, Chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- GD, các PGD Sở;
- Lưu: VT, QLKH.

GIÁM ĐỐC

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
GIA LAI
TỔ THẨM ĐỊNH KINH PHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng năm

BIÊN BẢN HỢP THẨM ĐỊNH KINH PHÍ DỰ ÁN CẤP TỈNH

I. Những thông tin chung

1. Tên dự án:

- Chủ nhiệm dự án:

- Tổ chức chủ trì dự án:

2. Quyết định thành lập Tổ thẩm định số:/QĐ-SKHCHN ngày/...../..... của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai về việc thành lập Tổ thẩm định kinh phí.

3. Địa điểm và thời gian:

- Thời gian: Ngày tháng năm

- Địa điểm: Hội trường Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai (98B Phạm Văn Đồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai).

4. Thành phần tham dự:

a) Thành viên Tổ thẩm định:

b) Đại biểu:

II. Nội dung làm việc của Tổ thẩm định

Sau khi chủ nhiệm dự án giải trình những nội dung đã chỉnh sửa theo góp ý của Hội đồng đánh giá hồ sơ nêu những căn cứ, định mức lập dự toán và trình bày các khoản chi tương ứng với nội dung của dự án các thành viên tham dự đã có ý kiến trao đổi, thảo luận và đã thống nhất. Tổ trưởng Tổ thẩm định kết luận một số nội dung sau:

1. Nội dung

1.1. Mục tiêu của dự án: *(Ghi cụ thể)*

1.2. Các nội dung nghiên cứu *(Ghi tên của từng nội dung)*

1.3. Các hoạt động khác phục vụ nội dung nghiên cứu

a. Hội thảo khoa học *(số lượng và quy mô, địa điểm tổ chức)*

b. Khảo sát, công tác trong nước *(Nội dung khảo sát, số đợt khảo sát, số người tham gia, thời gian, địa điểm)*

c. Hợp tác quốc tế *(Nội dung dự kiến hợp tác, số đoàn ra, đoàn vào, số người tham gia, thời gian, địa điểm)*

d. Thiết bị, máy móc *(thiết bị, máy móc cần mua: tên, số lượng)*

1.4. Dạng sản phẩm, yêu cầu về chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, chất lượng đối với sản phẩm *(Ghi cụ thể các sản phẩm chính)*

1.5. Tiến độ và thời gian thực hiện: tháng

2. Về kinh phí thực hiện:

2.1. Tổng kinh phí : triệu đồng

Trong đó:

+ Kinh phí từ ngân sách nhà nước: triệu đồng
(Bằng chữ: đồng)

+ Kinh phí từ các nguồn khác: triệu đồng

2.2. Dự kiến nội dung chi từ ngân sách nhà nước:

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung Các khoản chi	Kinh phí NSNN		Ghi chú
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	
1	Thiết bị, máy móc			
2	Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo			
3	Kinh phí hỗ trợ công nghệ			
4	Chi phí lao động			
5	Nguyên vật liệu năng lượng			
6	Thuê thiết bị, nhà xưởng			
7	Chi khác			
	Tổng cộng			

III. Kiến nghị**1. Phương thức thực hiện**☐ Khoán đến sản phẩm cuối cùng☐ Khoán từng phần, trong đó:

- Kinh phí khoán: triệu đồng;

- Kinh phí không khoán: triệu đồng.

2. Các kiến nghị khác (nếu có)

Biên bản được lập xong lúc.....giờ, ngày tháng năm và đã được Tổ thẩm định nhất trí thông qua./.

Tổ trưởng**Thư ký****Thành viên****Thành viên**

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG
NGHỆ GIA LAI
TỔ THẨM ĐỊNH KINH PHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng..... năm

BIÊN BẢN HỌP THẨM ĐỊNH KINH PHÍ ĐỀ TÀI/ĐỀ ÁN CẤP TỈNH

I. Những thông tin chung

1. Tên đề tài/đề án:

- Chủ nhiệm đề tài/đề án:

- Tổ chức chủ trì đề tài/đề án:

2. Quyết định thành lập Tổ thẩm định số: /QĐ-SKHCN ngày/...../..... của Giám đốc Sở KH&CN tỉnh Gia Lai về việc thành lập Tổ thẩm định kinh phí đề tài/đề án.

3. Địa điểm và thời gian:

- Thời gian: Ngày tháng năm

- Địa điểm: Hội trường Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai (98B Phạm Văn Đồng, Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai).

4. Thành phần tham dự:

a) Thành viên Tổ thẩm định:

b) Đại biểu:

II. Nội dung làm việc của Tổ thẩm định

Sau khi chủ nhiệm giải trình những nội dung đã chỉnh sửa theo góp ý của Hội đồng đánh giá hồ sơ nêu những căn cứ, định mức lập dự toán và trình bày các khoản chi tương ứng với nội dung của các thành viên tham dự đã có ý kiến trao đổi, thảo luận và đã thống nhất. Tổ trưởng Tổ thẩm định kết luận một số nội dung sau:

1. Nội dung

1.1. Mục tiêu của đề tài/đề án: *(Ghi cụ thể)*

1.2. Các nội dung nghiên cứu *(Ghi tên của từng nội dung)*

1.3. Các hoạt động khác phục vụ nội dung nghiên cứu

a. Hội thảo khoa học *(số lượng và quy mô, địa điểm tổ chức)*

b. Khảo sát, công tác trong nước *(Nội dung khảo sát, số đợt khảo sát, số người tham gia, thời gian, địa điểm)*

c. Hợp tác *(Nội dung dự kiến hợp tác, số đoàn ra, đoàn vào, số người tham gia, thời gian, địa điểm)*

d. Thiết bị, máy móc *(thiết bị, máy móc cần mua: tên, số lượng)*

1.4. Dạng sản phẩm, yêu cầu về chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, chất lượng đối với sản phẩm (*Ghi cụ thể các sản phẩm chính*)

1.5. Tiến độ và thời gian thực hiện: tháng

2. Về kinh phí thực hiện:

2.1. Tổng kinh phí cần thiết: triệu đồng

Trong đó:

+ Kinh phí từ ngân sách nhà nước: triệu đồng

(*Bằng chữ: đồng*)

+ Kinh phí từ các nguồn khác: triệu đồng

2.2. Dự kiến nội dung chi từ ngân sách nhà nước:

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung Các khoản chi	Kinh phí NSNN		Ghi chú
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	
1	Trả công lao động			
2	Nguyên vật liệu năng lượng			
3	Thiết bị, máy móc			
4	Xây dựng, sửa chữa nhỏ			
5	Chi khác			
	Tổng cộng			

III. Kiến nghị

1. Phương thức thực hiện

☐ Khoán đến sản phẩm cuối cùng

☐ Khoán từng phần, trong đó:

- Kinh phí khoán: triệu đồng;

- Kinh phí không khoán: triệu đồng.

2. Các kiến nghị khác (nếu có)

Biên bản được lập xong lúc giờ, ngày tháng năm và đã được Tổ thẩm định kinh phí nhất trí thông qua./.

Tổ trưởng

Thư ký

Thành viên

Thành viên

4. Thủ tục Đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

4.1. Trình tự thực hiện

a) Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định).

b) Địa điểm thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ, địa chỉ: 98B đường Phạm Văn Đồng, phường Hoa Lư, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

c) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Đơn vị thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh nộp hồ sơ nghiệm thu trong 30 ngày kể từ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm được gia hạn.

- Bước 2: Sở Khoa học và Công nghệ xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và triển khai họp Hội đồng đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

4.2. Cách thức thực hiện: Nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- + Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu cơ sở.
- + Biên bản nghiệm thu cơ sở.
- + Bài nhận xét, phiếu đánh giá của các thành viên Hội đồng nghiệm thu cơ sở.
- + Biên bản tổng hợp phiếu đánh giá của Hội đồng.
- + Báo cáo thống kê quá trình triển khai nhiệm vụ.
- + Báo cáo kết quả nghiên cứu, Báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu.
- + Các sản phẩm nghiên cứu kèm theo.
- + Báo cáo kết quả tự đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.
- + Các văn bản xác nhận và tài liệu liên quan đến việc công bố, xuất bản, đào tạo, tiếp nhận và sử dụng kết quả nghiên cứu (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 12 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết: Trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Khoa học và Công nghệ, các tổ chức có liên quan.

4.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Khoa học và Công nghệ.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Biên bản Đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

4.8. Phí, lệ phí: Không.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 01: Quyết định về việc thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành nghiệm thu đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh.
- Mẫu số 02: Biên bản đánh giá kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.
- Điều 21 Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 15/9/2015 của UBND tỉnh ban hành quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-SKHCN

Gia Lai, ngày tháng năm 20

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành
nghiệm thu đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh**

GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND tỉnh Gia Lai ngày 01 tháng 3 năm 2022 của UBND tỉnh Gia Lai về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 15/9/2015 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../20... của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ nghiên cứu và kinh phí thực hiện đề tài: “”;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Khoa học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành đề nghiệm thu đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh: “.....” do là Cơ quan chủ trì, làm Chủ nhiệm đề tài.

Thành phần Hội đồng nghiệm thu gồm:

1. - Chủ tịch Hội đồng;
2. - Phản biện 1;
3. - Phản biện 2;
4. - Ủy viên;
5. - Ủy viên;
6. - Ủy viên;
7. - Ủy viên;
8. - Ủy viên;

9. - Ủy viên;

Thư ký hành chính:, Chuyên viên Phòng Quản lý Khoa học, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Nội dung làm việc của Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành là xem xét tính khoa học, thực tiễn và khả năng áp dụng kết quả của đề tài vào sản xuất và đời sống hiện nay trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Quy trình nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện đề tài được tiến hành theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ và các quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá của Hội đồng là cơ sở để Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu trình UBND tỉnh xem xét công nhận kết quả nghiên cứu của đề tài.

Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các thành viên Hội đồng, Cơ quan chủ trì, Chủ nhiệm đề tài, Trưởng phòng Quản lý Khoa học và các phòng chuyên môn liên quan thuộc Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (b/c);
- GD, các PGD Sở;
- Lưu: VT, QLKH.

GIÁM ĐỐC

UBND TỈNH GIA LAI
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN ĐÁNH GIÁ
NGHIỆM THU CẤP TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày tháng năm 20....

BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

I. Những thông tin chung

1. Tên nhiệm vụ:

Mã số nhiệm vụ:

Chủ nhiệm nhiệm vụ:

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

2. Quyết định thành lập Hội đồng:

Số: / .../.../... của

3. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng:

Thời gian:

Địa điểm:

4. Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên:

Vắng mặt: người, gồm:

5. Đại biểu tham dự:

II. Nội dung làm việc của Hội đồng

1. Hội đồng đã nghe chủ nhiệm nhiệm vụ... trình bày báo cáo tóm tắt về kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ, báo cáo các sản phẩm khoa học và tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Nhận xét của uỷ viên phản biện.

- Nhận xét của các thành viên Hội đồng.

- Tham gia góp ý của các đại biểu tham dự Hội nghị.

2. Hội đồng nhận xét trao đổi, thảo luận và đánh giá các nội dung thực hiện

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ trả lời các câu hỏi của các thành viên Hội đồng; cung cấp thông tin, giải trình và bảo vệ kết quả tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

4. Hội đồng đã trao đổi, thảo luận trên cơ sở đã xem xét, nghiên cứu toàn bộ hồ sơ đánh giá và các tài liệu, văn bản liên quan và Hội đồng đã thực hiện đánh giá kết quả của nhiệm vụ theo mẫu.

5. Hội đồng đã bỏ phiếu đánh giá:

Hội đồng đã bầu Ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

-, Trưởng ban

-, Ủy viên

-, Ủy viên

Hội đồng đã tiến hành bỏ phiếu kín đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Kết quả kiểm phiếu đánh giá được trình bày trong biên bản kiểm phiếu gửi kèm theo.

6. Kết luận của Hội đồng về các nội dung đánh giá

6.1. Về mức độ đáp ứng được yêu cầu số lượng, khối lượng, chủng loại sản phẩm theo đặt hàng và hợp đồng NCKH của các kết quả thực hiện nhiệm vụ

a) Về chủng loại sản phẩm so với hợp đồng

b) Về số lượng, khối lượng sản phẩm so với hợp đồng

c) Về sản phẩm khoa học đạt vượt hợp đồng; những đóng góp khoa học mới của nhiệm vụ (nếu có):

6.2. Về chất lượng sản phẩm và giá trị khoa học, giá trị thực tiễn của các kết quả thực hiện nhiệm vụ

6.3. Kết quả đánh giá xếp loại chung của nhiệm vụ

a) Kết quả đánh giá, xếp loại của Hội đồng ở mức sau (*đánh ✓ vào ô tương ứng*)

☐ Xuất sắc

☐ Đạt

☐ Không đạt

b) Phần luận giải của hội đồng khoa học về kết quả đánh giá, xếp loại (*chọn ✓ vào ô tương ứng và luận giải*):

☐ Kết quả thực hiện nhiệm vụ được xếp loại “xuất sắc” bởi những lý do cụ thể dưới đây:

☐ Kết quả thực hiện nhiệm vụ được xếp loại “đạt” bởi những lý do cụ thể dưới đây:

☐ Kết quả thực hiện nhiệm vụ được xếp loại “không đạt” bởi những lý do cụ thể dưới đây:

-

-

Những nội dung đã thực hiện và chưa thực hiện theo hợp đồng (nếu có)

-

-

6.4. Kiến nghị của Hội đồng

Biên bản họp hội đồng được thông qua với sự thống nhất của các thành viên Hội đồng dự họp vào ngày tháng năm

THƯ KÝ KHOA HỌC
(Họ, tên và chữ ký)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

5. Thủ tục Thành lập các Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

5.1. Trình tự thực hiện:

a) *Thời gian thực hiện:* Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định).

b) *Địa điểm thực hiện:* UBND tỉnh.

c) *Trình tự thực hiện:*

- Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ trình UBND tỉnh thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Sở Khoa học và Công nghệ.

- Bước 2: Xem xét tính hợp lệ của hồ sơ, ra Quyết định thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

5.2. Cách thức thực hiện: Gửi hồ sơ qua phần mềm Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) *Thành phần hồ sơ:*

- Tờ trình phê duyệt Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
- Danh mục tổng hợp đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ nghiên cứu.
- Các văn bản có liên quan (nếu có).

b) *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Khoa học và Công nghệ.

5.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND tỉnh.

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

5.8. Phí, lệ phí: Không.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 01: Tờ trình đề nghị thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành tư vấn xác định nhiệm vụ nghiên cứu và triển khai.

- Mẫu số 02: Tổng hợp danh mục các nhiệm vụ đề xuất đặt hàng cho kế hoạch năm.

- Mẫu số 03: Quyết định về việc thành lập các Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành tư vấn xác định nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Điều 3 Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 15/9/2015 của UBND tỉnh ban hành quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-SKHCN

Gia Lai, ngày..... tháng..... năm 20.....

TỜ TRÌNH

Đề nghị thành lập Hội đồng Khoa học và Công nghệ chuyên ngành tư vấn xác định nhiệm vụ nghiên cứu và triển khai năm

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh Gia Lai tại Công văn số: về việc định hướng hoạt động nghiên cứu và triển khai năm 20... của tỉnh. Đến nay, Sở Khoa học và Công nghệ đã nhận được nhiệm vụ đề xuất từ các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài tỉnh.

Từ đề xuất trên, sau khi được các ngành lựa chọn, đề xuất Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp được..... nhiệm vụ. Trong đó:

+ Lĩnh vực Nông - Lâm nghiệp: nhiệm vụ.

+ Lĩnh vực Công nghiệp, điều tra cơ bản, nghiên cứu bảo vệ môi trường: nhiệm vụ.

+ Lĩnh vực An ninh quốc phòng, Y tế, Giáo dục: nhiệm vụ.

(Có danh mục cụ thể kèm theo cho từng lĩnh vực)

Để tư vấn cho UBND tỉnh lựa chọn các nhiệm vụ có nội dung thiết thực, phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh; đồng thời, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ lập Tờ trình kính đề nghị UBND tỉnh thành lập các Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành xác định nhiệm vụ theo 03 lĩnh vực nêu trên *(có danh sách dự kiến thành phần Hội đồng xác định nhiệm vụ cho từng lĩnh vực kèm theo)*.

Kết quả tư vấn của các Hội đồng là cơ sở để UBND tỉnh xem xét, phê duyệt danh mục nhiệm vụ nghiên cứu và triển khai năm 20.....

Kính đề nghị UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

- Lưu: VT, QLKH.

GIÁM ĐỐC

**DỰ KIẾN THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CHUYÊN NGÀNH XÁC ĐỊNH
NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU VÀ TRIỂN KHAI CẤP TỈNH NĂM**

(Kèm theo Tờ trình số...../TTr-SKHCN ngày //.....
của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai)

A. LĨNH VỰC: NÔNG - LÂM NGHIỆP

**I. Danh sách thành phần Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành
tư vấn xác định nhiệm vụ**

1. Ông/bà - Chủ tịch Hội đồng
2. Ông/bà - Phản biện 1;
3. Ông/bà - Phản biện 2;

.....

.... Ông/bà - Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng.

Thư ký hành chính:

II. Danh mục nhiệm vụ (gồm nhiệm vụ có danh mục kèm theo)

**B. LĨNH VỰC: CÔNG NGHIỆP, NGHIÊN CỨU BẢO VỆ MÔI
TRƯỜNG, ĐIỀU TRA CƠ BẢN, KHOA HỌC QUẢN LÝ, KHÁC**

**I. Danh sách thành phần Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành
tư vấn xác định nhiệm vụ**

1. Ông/bà - Chủ tịch Hội đồng;
2. Ông/bà - Phản biện 1;
3. Ông/bà - Phản biện 2;

.....

..... Ông/bà - Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng.

Thư ký hành chính:

II. Danh mục nhiệm vụ (gồm nhiệm vụ có danh mục kèm theo)

C. LĨNH VỰC: AN NINH QUỐC PHÒNG, Y TẾ, VĂN HÓA, GIÁO DỤC

**I. Danh sách thành phần Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành
tư vấn xác định nhiệm vụ**

1. Ông/bà - Chủ tịch Hội đồng;
2. Ông/bà - Phản biện 1;
3. Ông/bà - Phản biện 2;

.....

.... Ông/bà - Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng.

Thư ký hành chính:

II. Danh mục nhiệm vụ (gồm nhiệm vụ có danh mục kèm theo)

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày tháng năm.....

**TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG CHO
KẾ HOẠCH NĂM**

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Sản phẩm dự kiến	Khả năng địa chỉ áp dụng	Ghi chú

-Tổng số nhiệm vụ đề xuất:

- Tổng KP:

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 20.....

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập các Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành
tư vấn xác định nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ
trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 202..**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013;

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP, ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2015 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học
và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai;*

*Theo đề nghị của của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số
/TTr-SKHCHN ngày .../.../202....*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập (03) Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành tư
vấn xác định nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia
Lai năm 202...

*(Có danh sách 03 Hội đồng tư vấn và Danh mục nhiệm vụ đề xuất để
Hội đồng tư vấn xem xét lựa chọn kèm theo Quyết định này)*

Điều 2. Hội đồng tư vấn có trách nhiệm giúp UBND tỉnh xem xét, lựa chọn
các nhiệm vụ có nội dung thiết thực, có khả năng ứng dụng, hiệu quả và tính khả
thi cao, phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh trong năm 202...
và những năm tiếp theo.

Kết quả làm việc của Hội đồng tư vấn là cơ sở để UBND tỉnh xem xét, phê
duyet danh mục nhiệm vụ nghiên cứu và triển khai năm 202.....

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Sở Tài chính; thủ trưởng các cơ quan đơn vị có liên quan; các thành viên Hội đồng (nêu tại Điều 1) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đ/c Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Sở KH&CN, Sở Tài chính;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

PHỤ LỤC I
HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CHUYÊN NGÀNH TƯ VẤN
XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU VÀ TRIỂN KHAI CẤP TỈNH
NĂM 202

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /.../202...
của UBND tỉnh Gia Lai)

A. LĨNH VỰC: NÔNG - LÂM NGHIỆP

1. - Chủ tịch Hội đồng;
2. - Phản biện 1;
3. - Phản biện 2;

.....

Thư ký hành chính:

B. LĨNH VỰC: CÔNG NGHIỆP, ĐIỀU TRA CƠ BẢN, NGHIÊN CỨU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, KHOA HỌC QUẢN LÝ VÀ MỘT SỐ LĨNH VỰC
KHÁC

1.- Chủ tịch Hội đồng;
2.- Phản biện 1;
3. - Phản biện 2;

.....

Thư ký hành chính:

C. LĨNH VỰC: AN NINH QUỐC PHÒNG, Y TẾ, VĂN HÓA, GIÁO DỤC

1.- Chủ tịch Hội đồng;
2.- Phản biện 1;
3. - Phản biện 2;

.....

Thư ký hành chính:

PHỤ LỤC II
BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ CHỌN
ĐỂ XEM XÉT ĐỀ XUẤT CHO KẾ HOẠCH NĂM 20.....

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /20.....
của UBND tỉnh Gia Lai)

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Sản phẩm dự kiến	Ghi chú
Lĩnh vực Nông nghiệp:nhiệm vụ				
1		- Mục tiêu chung - Mục tiêu cụ thể		
2				
Lĩnh vực Công nghiệp, điều tra cơ bản, nghiên cứu bảo vệ môi trường và một số lĩnh vực khác: nhiệm vụ				
1				
2				
Lĩnh vực An ninh quốc phòng, Y tế, Văn hóa, Giáo dục: nhiệm vụ				
1				
2				

Tổng số nhiệm vụ: nhiệm vụ. Trong đó:

- Lĩnh vực: Nông nghiệp: nhiệm vụ
- Lĩnh vực: Công nghiệp, điều tra cơ bản, nghiên cứu bảo vệ môi trường và một số lĩnh vực khác: nhiệm vụ
- Lĩnh vực: An ninh quốc phòng, Y tế, Văn hóa, Giáo dục: nhiệm vụ.

6. Thủ tục Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ nghiên cứu và triển khai cấp tỉnh

6.1. Trình tự thực hiện:

a) *Thời gian thực hiện:* Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định).

b) *Địa điểm thực hiện:* UBND tỉnh.

c) *Trình tự thực hiện:*

- Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ trình phê duyệt danh mục nhiệm vụ nghiên cứu triển khai của Sở Khoa học và Công nghệ.

- Bước 2: Xem xét tính hợp lệ của hồ sơ, ra Quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ nghiên cứu triển khai.

6.2. Cách thức thực hiện: Gửi hồ sơ qua phần mềm Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) *Thành phần hồ sơ:*

- Tờ trình phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Biên bản họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ hoặc phiếu nhận xét đánh giá của chuyên gia (các văn bản liên quan khác nếu có).

b) *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

6.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Khoa học và Công nghệ.

6.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND tỉnh.

6.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ nghiên cứu và triển khai.

6.8. Phí, lệ phí: Không.

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 01: Tờ trình đề nghị phê duyệt danh mục nhiệm vụ nghiên cứu và triển khai cấp tỉnh.

- Mẫu số 02: Biên bản họp hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành tư vấn xác định nhiệm vụ nghiên cứu và triển khai cấp tỉnh.

- Mẫu số 03: Quyết định về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học công nghệ triển khai cấp tỉnh.

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Điều 3 Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 15/9/2015 của UBND tỉnh ban hành quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr - SKHCN

Gia Lai, ngày tháng năm 20.....

TỜ TRÌNH

Đề nghị phê duyệt danh mục nhiệm vụ nghiên cứu và triển khai cấp tỉnh năm 20.....

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.

Căn cứ Quyết định số/20.../QĐ-UBND ngày .../.../20... của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày/..../20... của UBND tỉnh Gia Lai về việc thành lập các hội đồng Khoa học và Công nghệ chuyên ngành để tư vấn xác định nhiệm vụ nghiên cứu và triển khai cấp tỉnh năm 20...;

Theo Biên bản làm việc của 03 Hội đồng Khoa học và Công nghệ chuyên ngành tiến hành quy trình lựa chọn nhiệm vụ theo quy định, kết quả đã chọn được nhiệm vụ bắt đầu triển khai từ năm 20....theo các lĩnh vực như sau:

I. Nông Lâm nghiệp (..... nhiệm vụ)

II. An ninh quốc phòng, Y tế, Giáo dục (..... nhiệm vụ)

III. Công nghiệp, Nghiên cứu Bảo vệ Môi trường, Điều tra cơ bản, Khoa học quản lý, Khác (..... nhiệm vụ)

(Có gửi kèm Danh mục nhiệm vụ chi tiết, Biên bản của các Hội đồng xét chọn).

Đề nghị UBND tỉnh xem xét, phê duyệt danh mục để làm cơ sở triển khai các bước tiếp theo theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, QLKH.

GIÁM ĐỐC

UBND TỈNH GIA LAI
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH
NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BB-HĐXĐNV Gia Lai, ngày tháng năm

BIÊN BẢN
HỌP HỘI ĐỒNG KH&CN CHUYÊN NGÀNH
TƯ VẤN XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU VÀ TRIỂN KHAI CẤP
TỈNH THỰC HIỆN TỪ NĂM

Lĩnh vực:

I/ NHỮNG THÔNG TIN CHUNG

1. Căn cứ: Quyết định số/QĐ-UBND về việc thành lập các Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành ngày .../.../.... của UBND tỉnh Gia Lai về việc thành lập các hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành tư vấn xác định nhiệm vụ nghiên cứu và triển khai năm 2020.

2. Thời gian và địa điểm họp Hội đồng:

Hội đồng tiến hành cuộc họp vào lúc

.... ngày .../.../....., tại Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai.

3. Số thành viên Hội đồng có mặt:

4. Số thành viên vắng mặt: 0

5. Đại biểu tham dự Hội đồng

II/ NỘI DUNG LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG

1. Lựa chọn nhiệm vụ:

1.1. Căn cứ chọn lựa:

- Các nhiệm vụ đề xuất đặt hàng được chọn lựa phải phù hợp và thiết thực đối với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nhằm giải quyết được những vấn đề cấp thiết, có tác dụng trong phạm vi toàn tỉnh. Các nhiệm vụ phải có giá trị khoa học, ứng dụng trong thực tiễn, có tính khả thi về năng lực, tổ chức nghiên cứu và có khả năng huy động các nguồn lực tài chính để thực hiện.

- Về tài chính, nằm trong khả năng bố trí từ ngân sách sự nghiệp khoa học năm.....

- Nhiệm vụ được chọn là nhiệm vụ có ít nhất 3/4 số thành viên Hội đồng có mặt thống nhất lựa chọn.

1.2. Thảo luận:

- Hội đồng đã bầu Thư ký khoa học:

- Trên cơ sở nhận xét và gợi ý thảo luận của 2 thành viên phản biện về danh mục 08 nhiệm vụ nghiên cứu và triển khai cấp tỉnh đề xuất đặt hàng cho kế hoạch năm 2020 do UBND tỉnh phê duyệt.

- Từng thành viên Hội đồng phân tích về tính thiết thực, tính khả thi, khả năng ứng dụng trong thực tiễn sản xuất và đời sống của từng nhiệm vụ dựa trên tiêu chí xác định nhiệm vụ do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

1.3. Kết quả chọn lựa nhiệm vụ:

Sau quá trình phân tích thảo luận và ý kiến đối với từng nhiệm vụ đề xuất đặt hàng của cả tập thể, Hội đồng đã thống nhất đối với việc chọn lựa các nhiệm vụ đưa vào kế hoạch năm, Hội đồng đã tiến hành bỏ phiếu đánh giá đề xuất đặt hàng nhiệm vụ.

- Hội đồng đã bầu Ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

+ Trưởng Ban:

+ Hai uỷ viên:

- Hội đồng đã tiến hành đánh dấu chọn hoặc không chọn đối với từng nhiệm vụ trong bảng danh mục. Kết quả Hội đồng đã chọn lựa các nhiệm vụ như sau:

* Số nhiệm vụ có tổng số phiếu đề nghị thực hiện đạt $\geq 3/4$ số thành viên Hội đồng có mặt gồm: nhiệm vụ, cụ thể:

* Số nhiệm vụ có tổng số phiếu đề nghị không thực hiện $< 2/3$ số thành viên Hội đồng có mặt gồm nhiệm vụ, cụ thể:

2. Xác định đề cương tổng quát (Đối với các nhiệm vụ được Hội đồng đề nghị thực hiện).

Hội đồng thống nhất giao nhiệm vụ cho uỷ viên phản biện của Hội đồng hoàn chỉnh đề cương sơ bộ (bao gồm tên nhiệm vụ, mục tiêu, nội dung sản phẩm, thời gian thực hiện) đối với từng nhiệm vụ cụ thể, trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các thành viên hội đồng. Đồng thời, uỷ quyền cho Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp lại nội dung của các nhiệm vụ đã được Hội đồng thống nhất lựa chọn đề đề nghị UBND tỉnh xem xét, phê duyệt danh mục nhiệm vụ nghiên cứu và triển khai cấp tỉnh thực hiện từ năm

Cuộc họp kết thúc vào lúc cùng ngày./

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

CHỦ TỊCH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 20.....

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học công nghệ
triển khai cấp tỉnh thực hiện từ năm**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2015 của UBND tỉnh Gia Lai ban hành quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số/TTr-SKHCN ngày....tháng năm 20.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục nhiệm vụ khoa học công nghệ triển khai cấp tỉnh thực hiện từ năm 20... của tỉnh Gia Lai gồm (....) nhiệm vụ.

(Có danh mục kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Căn cứ Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 15/9/2015 của UBND tỉnh và trên cơ sở danh mục này, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

1. Thành lập các Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành để tuyển chọn các tổ chức, cá nhân đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ trên theo quy định.

2. Yêu cầu về tiêu chí, điều kiện tuyển chọn, thời gian thực hiện:

- Đề cương chi tiết được chọn phải đạt được các tiêu chí về tính cấp thiết, tính mới, tính ứng dụng và hiệu quả cao, đồng thời phù hợp với chủ trương, định hướng, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

- Việc thẩm định kinh phí đối với từng đề cương chi tiết được chọn đảm bảo theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính; thủ trưởng các đơn vị chủ trì được giao nhiệm vụ, cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Sở KH&CN, Sở Tài chính;
- CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

PHỤ LỤC
DANH MỤC NHIỆM VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TRIỂN KHAI
CẤP TỈNH THỰC HIỆN TỪ NĂM 20....

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / / 20....
của UBND tỉnh Gia Lai)*

STT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Sản phẩm dự kiến	Hình thức
1.				
2.				
...	...	...	...	...

Danh mục này có ... nhiệm vụ./.

7. Thủ tục Phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ nghiên cứu và kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

7.1. Trình tự thực hiện:

a) Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định).

b) Địa điểm thực hiện: UBND tỉnh.

c) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ trình phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ nghiên cứu của Sở Khoa học và Công nghệ.

- Bước 2: Xem xét tính hợp lệ của hồ sơ, ra Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ nghiên cứu và kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

7.2. Cách thức thực hiện: Gửi hồ sơ qua phần mềm Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành.

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ nghiên cứu và thông tin nhiệm vụ kèm theo; Thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Biên bản xét duyệt của hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ; Biên bản thẩm định kinh phí.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

7.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

7.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Khoa học và Công nghệ.

7.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND tỉnh.

7.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ nghiên cứu và kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

7.8. Phí, lệ phí: Không.

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 01: Tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ nghiên cứu các nhiệm vụ nghiên cứu và triển khai cấp tỉnh.

- Mẫu số 02: Quyết định về việc phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ nghiên cứu và kinh phí thực hiện các nhiệm vụ triển khai cấp tỉnh.

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

7.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Điều 3 Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 15/9/2015 của UBND tỉnh Gia Lai ban hành quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Mẫu số 01

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-SKHCN

Gia Lai, ngày tháng năm 20.....

TỜ TRÌNH

**Đề nghị phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ nghiên cứu
các nhiệm vụ nghiên cứu và triển khai cấp tỉnh thực hiện từ năm ...**

Căn cứ Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 15/9/2015 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày/...../... của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ nghiên cứu và triển khai cấp tỉnh thực hiện từ năm;

Trên cơ sở kết quả làm việc của các Hội đồng Khoa học và Công nghệ tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp và các tổ thẩm định kinh phí đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Sở Khoa học và Công nghệ lập Tờ trình đề nghị UBND tỉnh xem xét, phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ nghiên cứu của các nhiệm vụ đã hoàn chỉnh thủ tục (có thông tin tóm tắt của nhiệm vụ kèm theo) để làm căn cứ pháp lý ký kết Hợp đồng triển khai thực hiện./.

(Kèm theo Tờ trình hồ sơ Thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Biên bản xét duyệt của Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ; Biên bản thẩm định kinh phí)

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Lưu: VT, QLKH.

GIÁM ĐỐC

PHỤ LỤC
THÔNG TIN NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU VÀ TRIỂN KHAI
THỰC HIỆN TỪ NĂM

(Kèm theo Tờ trình số/TTr-SKHCN ngày...../...../.....
của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai)

1. Tên đề tài:

[Mã số]

Cơ quan chủ trì:

Chủ nhiệm đề tài:

- Mục tiêu:

- Dự kiến sản phẩm đạt được:

- Thời gian thực hiện: tháng (từ tháng).

- Tổng kinh phí bố trí từ vốn NSKH Tỉnh: triệu đồng.

(.....)

Phân ra: + Năm: triệu đồng.

+ Năm: triệu đồng.

2. Tên đề tài:

[Mã số]

Cơ quan chủ trì:

Chủ nhiệm đề tài:

- Mục tiêu:

- Dự kiến sản phẩm đạt được:

- Thời gian thực hiện: tháng (từ tháng).

- Tổng kinh phí bố trí từ vốn NSKH Tỉnh: triệu đồng.

(.....)

Phân ra: + Năm: triệu đồng.

+ Năm: triệu đồng.

3.....

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 20.....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ nghiên cứu và kinh phí thực hiện các nhiệm vụ triển khai cấp tỉnh thực hiện từ năm 202...

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc ban hành quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 202... của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ nghiên cứu và triển khai cấp tỉnh thực hiện từ năm 202.....;

Trên cơ sở xem xét kết quả làm việc của Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập để đánh giá hồ sơ nghiên cứu và kết quả thẩm định dự toán của nhiệm vụ đã được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu; hồ sơ chi tiết đã được chủ nhiệm đề tài hoàn chỉnh theo yêu cầu của hội đồng;

Theo đề nghị của của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số .../TTr-SKHCHN ngày .../.../202.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả xét duyệt đề cương chi tiết và kinh phí thực hiện 01 nhiệm vụ nghiên cứu và triển khai cấp tỉnh thực hiện từ năm 202... (có thông tin các nhiệm vụ kèm theo).

Điều 2. Trên cơ sở danh mục, nội dung đề cương chi tiết và kinh phí được phê duyệt, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành ký hợp đồng với cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ và lập thủ tục cấp kinh phí để tổ chức triển khai thực hiện đạt mục tiêu, đúng thời gian quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng cơ quan chủ trì; chủ nhiệm nhiệm vụ nêu tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đ/c Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Sở KH&CN, Sở Tài chính;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

PHỤ LỤC
THÔNG TIN NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU VÀ TRIỂN KHAI
THỰC HIỆN TỪ NĂM 202...

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /202...
của UBND tỉnh Gia Lai)

Tên đề tài:

[Mã số KHGL – 01 – 2...]

Cơ quan chủ trì:

Chủ nhiệm đề tài:

*** Mục tiêu:**

Mục tiêu chung:

Mục tiêu cụ thể:

*** Dự kiến sản phẩm đạt được:**

*** Thời gian thực hiện:**

*** Kinh phí SNKH tỉnh:**

Phân ra: + Năm thứ nhất:
 + Năm thứ hai:
 + Năm thứ ba:

8. Thủ tục Công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

8.1. Trình tự thực hiện

a) Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định).

b) Địa điểm thực hiện: UBND tỉnh.

c) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ trình công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh của Sở Khoa học và Công nghệ.

- Bước 2: Xem xét tính hợp lệ của hồ sơ, ra Quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

8.2. Cách thức thực hiện: Gửi hồ sơ qua phần mềm Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành.

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Báo cáo kết quả nghiên cứu;
- Biên bản nghiệm thu kết quả nghiên cứu;
- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ;
- Tờ trình công nhận kết quả nghiên cứu;
- Các văn bản có liên quan (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

8.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

8.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Khoa học và Công nghệ.

8.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND tỉnh.

8.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định Công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

8.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 01: Tờ trình về việc công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

- Mẫu số 02: Quyết định về việc công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

8.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Điều 3 Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 15/9/2015 của UBND tỉnh ban hành quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Mẫu số 01

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-SKHCN

Gia Lai, ngày tháng năm 20.....

TỜ TRÌNH

**Về việc công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ
khoa học và công nghệ cấp tỉnh**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.

Căn cứ Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 15/9/2015 của UBND tỉnh Gia Lai ban hành quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ vào kết quả làm việc ngày / / của Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập tại Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /20 để nghiệm thu kết quả thực hiện đối với nhiệm vụ: do chủ trì thực hiện và , làm chủ nhiệm đề tài/dự án.

Kết quả nghiệm thu Hội đồng đã đánh giá đề tài/dự án đạt; các sản phẩm đã được cơ quan chủ trì và chủ nhiệm đề tài/dự án đã hoàn chỉnh theo kết luận của Hội đồng nghiệm thu. Sở Khoa học và Công nghệ lập Tờ trình đề nghị UBND tỉnh ra Quyết định công nhận kết quả thực hiện đề tài/dự án trên./.

(Kèm theo các sản phẩm gồm: Báo cáo kết quả nghiên cứu; Biên bản nghiệm thu kết quả nghiên cứu; Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, QLKH.

GIÁM ĐỐC

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 20.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ
khoa học và công nghệ cấp tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 20... của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ nghiên cứu và kinh phí thực hiện nhiệm vụ.....;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số/TTr-SKHCN ngày..... tháng năm 20.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh: “.....”

Nhiệm vụ đã được Hội đồng nghiệm thu đánh giá xếp loại.....

Điều 2. Nhiệm vụ được thanh lý hợp đồng sau khi báo cáo kết quả đã hoàn chỉnh và nộp lại cho cơ quan quản lý (*Sở Khoa học và Công nghệ*).

Việc công bố và sử dụng kết quả nhiệm vụ thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính.....; Thủ trưởng các cơ quan liên quan; Cơ quan chủ trì và Chủ nhiệm nhiệm vụ tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NL, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

III. LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ

1. Thủ tục lấy ý kiến về việc đấu nối vào đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Gia Lai

1.1. Trình tự thực hiện

a) Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định).

b) Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Sở Giao thông vận tải, số 10 Trần Hưng Đạo, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

c) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Các sở, ban, ngành tỉnh hoặc UBND cấp huyện có công trình đấu nối vào đường tỉnh lập hồ sơ gửi Sở Giao thông vận tải.

Bước 2: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, phối hợp kiểm tra. Có văn bản chấp thuận; trường hợp không chấp thuận, có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp và trực tuyến (qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành).

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đấu nối vào đường tỉnh của các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện có công trình đấu nối vào đường tỉnh (bản chính);

- Quyết định số 720/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt các điểm đấu nối vào quốc lộ và đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Gia Lai, và phụ lục điểm đấu nối được lấy ý kiến;

- Văn bản về chủ trương đầu tư của dự án có điểm đấu nối;

- Thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao (có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) do tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập (bản chính).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời gian giải quyết: 10 ngày làm việc.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện, các sở, ban, ngành tỉnh có dự án công trình đấu nối vào đường tỉnh.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan phối hợp: Không.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Văn bản chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao.

1.8. Phí, lệ phí: Không.

1.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao (Mẫu số 01).

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Nút giao nằm trong danh sách các điểm đầu nối vào quốc lộ được UBND cấp tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 720/QĐ-UBND hoặc Quyết định điều chỉnh bổ sung của UBND tỉnh.

- Chủ trương đầu tư của dự án có điểm đầu nối.

- Hồ sơ Thiết kế kỹ thuật và Phương án tổ chức giao thông của nút giao do Tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 11/2010/NĐ-CP.

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/6/2015 của Bộ Giao thông vận tải về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 50/TT-BGTVT.

- Quyết định số 720/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt các điểm đầu nối vào quốc lộ và đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
 (2) **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày tháng năm 201....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THIẾT KẾ KỸ THUẬT NÚT GIAO
ĐƯỜNG NHÁNH ĐÁU NỐI VÀO ĐƯỜNG TỈNH**

Chấp thuận xây dựng (... 3...)

Kính gửi: (4)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định 117/2021/NĐ-CP Sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số 50/TT-BGTVT ngày 23 tháng 09 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 50/TT-BGTVT;

- Căn cứ Quyết định số 720/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Gia Lai phê duyệt các điểm đấu nối vào quốc lộ và đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

- (...5...)

- (2...) đề nghị được chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đấu nối (...6....)

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ Quyết định số 720/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Gia Lai phê duyệt các điểm đấu nối vào quốc lộ và đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

+ Văn bản của UBND cấp tỉnh (bản chính) giao tổ chức, cá nhân làm Chủ đầu tư nút giao; Văn bản về chủ trương đầu tư của dự án có điểm đấu nối;

+ Hồ sơ Thiết kế và Phương án tổ chức giao thông của nút giao (có Biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) do Tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập (bản chính).

- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

(... 2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình nút giao đấu nối đường nhánh vào Đường tỉnh Tại Km../phải hoặc trái tuyến và không đòi bồi thường

khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình nút giao đầu nối đường nhánh vào Đường tỉnh.... Tại Km...+.../phải hoặc trái tuyến được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu VT.

(...2....)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đầu nối (Do Chủ đầu tư đứng đơn).

(3) Ghi vắn tắt tên công trình, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đầu nối tại Km..+.../Trái tuyến hoặc phải tuyến/ QL..”.

(4) Tên cơ quan chấp thuận cho phép xây dựng công trình nút giao đầu nối đường nhánh theo quy định tại Điều 22 Thông tư này.

(5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.

(6) Ghi rõ, đầy đủ tên quốc lộ, cấp kỹ thuật của đường, lý trình, phía bên trái hoặc bên phải quốc lộ./.

2. Thủ tục Phê duyệt điều chỉnh bổ sung điểm đầu nối vào quốc lộ và đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Gia Lai

2.1. Trình tự thực hiện:

a) Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định).

b) Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Sở Giao thông vận tải, số 10 Trần Hưng Đạo, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

c) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Khi có nhu cầu cấp thiết cần phải điều chỉnh, bổ sung điểm đầu nối nằm trong danh mục các điểm đầu nối được phê duyệt tại Quyết định số 720/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của UBND tỉnh; UBND cấp huyện có văn bản đề xuất gửi Sở Giao thông vận tải.

Bước 2: Căn cứ danh mục và nhu cầu của các đơn vị, Sở Giao thông vận tải tổng hợp, phối hợp kiểm tra; Tổ chức lấy ý kiến của các sở ngành, Khu quản lý đường bộ (đối với quốc lộ), các nhà đầu tư đối với trường hợp điểm đầu nối vào quốc lộ hoặc đường tỉnh nằm trong phạm vi dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư; hoàn thiện hồ sơ xác định điểm đầu nối điều chỉnh bổ sung theo khoản 7 Điều 1 Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 50/TT-BGTVT.

Bước 3: Sở Giao thông vận tải trình UBND tỉnh phê duyệt danh mục các điểm đầu nối điều chỉnh, bổ sung.

2.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp và trực tuyến (qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành).

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Văn bản đề nghị điều chỉnh, bổ sung điểm đầu nối nằm trong danh mục các điểm đầu nối được phê duyệt tại Quyết định số 720/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của UBND tỉnh (bản chính).

- Danh mục điểm đầu nối đề nghị điều chỉnh, bổ sung (nêu rõ lý do cần điều chỉnh).

- Hồ sơ hồ sơ xác định điểm đầu nối điều chỉnh bổ sung.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời gian giải quyết: Không quy định.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện; Sở Giao thông vận tải.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.
- Cơ quan phối hợp: Khu quản lý đường bộ (đối với quốc lộ), các nhà đầu tư đối với dự án đường bộ đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định phê duyệt danh mục điều chỉnh, bổ sung điểm đầu nối được phê duyệt tại Quyết định số 720/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 về việc phê duyệt các điểm đầu nối vào quốc lộ và đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2.8. Phí, lệ phí: Không.

2.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Đảm bảo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 1 Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ Giao thông vận tải.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.
- Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 11/2010/NĐ-CP.
- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/6/2015 của Bộ Giao thông vận tải về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.
- Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 50/TT-BGTVT.
- Quyết định số 720/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt các điểm đầu nối vào quốc lộ và đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

3. Thủ tục Phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh và các tuyến đường khác do Sở Giao thông vận tải quản lý

3.1. Trình tự thực hiện:

a) Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định).

b) Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Sở Giao thông vận tải tỉnh Gia Lai, số 10 Trần Hưng Đạo, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

c) Trình tự thực hiện

Bước 1: Hàng năm vào đầu quý II, Sở Giao thông vận tải chủ động lập các danh mục, nhu cầu bảo trì đối với công tác bảo dưỡng thường xuyên, sửa chữa định kỳ các tuyến đường tỉnh và các tuyến đường khác được giao quản lý.

Bước 2: Trên cơ sở danh mục, nhu cầu bảo trì trên hệ thống đường tỉnh, Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, Kế hoạch đầu tư và các địa phương có tuyến đường tỉnh đi qua địa bàn tổ chức kiểm tra thực tế hiện trường, xác định hư hỏng và thứ tự ưu tiên các danh mục. Sau khi kiểm tra hiện trường, Sở Giao thông vận tải tổng hợp, lập kế hoạch bảo trì của năm sau trình UBND tỉnh phê duyệt danh mục bảo trì trước 30 tháng 5 hàng năm.

3.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp và trực tuyến (qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành).

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Tờ trình Phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh và các tuyến đường khác do Sở Giao thông vận tải quản lý (bản chính).
- Phụ lục Danh mục công trình đề nghị bảo trì (bản chính).
- Biên bản kiểm tra hiện trường (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời gian giải quyết: Trước ngày 30 tháng 5 hàng năm.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.
- Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND cấp huyện (có tuyến đường bộ đi qua).

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định phê duyệt hoặc văn bản chấp thuận của UBND tỉnh về Kế hoạch bảo trì công trình đường bộ đối với đường tỉnh và các tuyến đường khác do Sở Giao thông vận tải quản lý.

3.8. Phí, lệ phí: Không.

3.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 04/10/2022 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

4. Thủ tục Phê duyệt về đặt số hiệu hệ thống đường huyện

4.1. Trình tự thực hiện:

a) Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định).

b) Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Sở Giao thông vận tải, số 10 Trần Hưng Đạo, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

c) Trình tự thực hiện

Bước 1: UBND cấp huyện báo cáo rà soát xác định số hiệu cho các tuyến đường huyện của địa phương, gửi Sở Giao thông vận tải tổng hợp.

Bước 2: Căn cứ Báo cáo rà soát xác định số hiệu cho các tuyến đường huyện của địa phương, các tài liệu kèm theo (nếu có), Sở Giao thông vận tải tổng hợp, trình UBND tỉnh phê duyệt.

4.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp và trực tuyến (qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành).

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Tờ trình Phê duyệt về đặt số hiệu hệ thống đường huyện (bản chính).
- Dự thảo quyết định và phụ lục đặt số hiệu hệ thống đường huyện.
- Các tài liệu kèm theo (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.4. Thời gian giải quyết: Không quy định.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện; Sở Giao thông vận tải.

4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.
- Cơ quan phối hợp: UBND cấp huyện.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định Phê duyệt về đặt số hiệu hệ thống đường huyện trên địa bàn.

4.8. Phí, lệ phí: Không.

4.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 04/10/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ trên địa bàn tỉnh Gia Lai.